

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN**

*ALPHA SEVEN GROUP
JOINT STOCK COMPANY*

Số: 39/2026/CV-A7

No: 39/2026/CV-A7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2026

Ho Chi Minh City, April 29, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

To: - State Securities Commission of Vietnam

- Hanoi Stock Exchange

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Tập đoàn Alpha Seven thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 1/năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

In accordance with the provisions of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, issued by the Ministry of Finance on information disclosure in the securities market, Alpha Seven Group Joint Stock Company discloses its Q1/2026 financial statements to the Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

***Organization Name: ALPHA SEVEN GROUP JOINT STOCK
COMPANY***

- Mã chứng khoán: DL1

Stock code: DL1

- Địa chỉ: Lô I3- 6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Address: Lot I3-6 N2 Street, High-Tech Park, Tan Nhon Phu Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

- Điện thoại liên hệ: 028.3736.7187

Fax: 028.3736.7187

Contact phone: 028.3736.7187

Fax: 028.3736.7187

- Email: info@a7group.vn

Website: http://www.a7group.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Content of the Announcement:

- Báo cáo tài chính quý 1 năm 2026

The Financial statements Q1/2026

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

Separate financial statements (for a public company without subsidiaries and a superior accounting unit with affiliated units);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

Consolidated financial statements (for a public company with subsidiaries);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

Combined financial statements (for a public company with affiliated accounting units that have an independent accounting system).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

Cases requiring an explanation of reasons:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):

The auditing organization issues an opinion that is not an unqualified opinion on the financial statements (for reviewed/audited financial statements):

☐ Có/Yes

☒ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Explanatory document in case of integration:

☐ Có/Yes

☒ Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

The after-tax profit in the reporting period differs by 5% or more before and after the audit, or shifts from a loss to a profit or vice versa (for the audited financial statements of 2025):

☐ Có/Yes

☒ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Explanatory document in case of integration:

☐ Có/Yes

☒ Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

The after-tax profit in the income statement of the reporting period changes by 10% or more compared to the same period of the previous year:

☒ Có/Yes

☐ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Explanatory document in case of integration:

☒ Có/Yes

☐ Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

The after-tax profit in the reporting period is a loss, or it shifts from a profit in the same period of the previous year to a loss in the current period, or vice versa:

☐ Có/Yes

☒ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Explanatory document in case of integration:

☐ Có/Yes

☒ Không/No

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/04/2026 tại đường dẫn:

This information was published on the Company's website on 29/04/2026 at the following link:

⇒ <https://a7group.vn/quan-he-co-dong/bao-cai-tai-chinh.html>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong kỳ báo cáo Quý 1 năm 2026.

Report on transactions with a value equal to or exceeding 35% of the total assets during the Q1/2026 reporting period.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau: Không có.

In cases where the public company has transactions, it is required to fully report the following details: None.

- Nội dung giao dịch:

Transaction content:

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);

The transaction value ratio to the company's total assets (%) (based on the most recent financial statements).;

- Ngày hoàn thành giao dịch:

Transaction completion date:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

We hereby confirm that the information provided above is accurate and take full responsibility before the law for the content of the disclosed information.

Tài liệu đính kèm:

Attached Document:

- Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2026;
Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm quý 1 năm 2026; Giải trình chênh lệch 10% LNST quý 1 năm 2026
- Consolidated financial statements for Q1/2026;
Parent company financial statements for Q1/2026;
Explanation of a 10% difference in after-tax profit for Q1/2026.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật

Organization Representative

Legal Representative

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Sign, full name, position, seal)



Nguyễn Đình Trạc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ALPHA SEVEN **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số: 38/2025/CV-A7

TpHCM, ngày 29 tháng 04 năm 2026

“V/v giải trình liên quan đến BCTC
quý 1 năm 2026”

Kính gửi : Ủy Ban chứng khoán nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quý 1 năm 2026 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven;

Công ty xin giải trình các chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước như sau:

I. Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng :

Khoản mục	BCTC riêng Quý 1/2026	BCTC riêng Quý 1/2025	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.418.381.797	24.743.868.320	(21.325.486.523)

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 1 năm 2026 lợi nhuận 3,418 tỷ đồng, giảm 21,325 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2025, do các nguyên nhân sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ quý 1 năm 2026 tăng 1,181 tỷ đồng tương ứng 21,58% so với cùng kỳ năm 2025, giá vốn hàng bán tăng 53,32% , dẫn đến lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ quý 1 năm 2026 tăng 9,0% so cùng kỳ năm 2025;

- Doanh thu hoạt động tài chính quý 1 năm 2026 giảm 26,316 tỷ đồng so cùng kỳ năm 2025;

- Chi phí tài chính quý 1 năm 2026 giảm 4,922 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2025.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp quý 1 năm 2026 tăng 61 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2025.

Từ nguyên nhân chính trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN quý 1 năm 2026 lãi 3,418 tỷ đồng giảm so với cùng năm 2025 .

II. Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Khoản mục	BCTC hợp nhất Quý 1/2026	BCTC hợp nhất Quý 1/2025	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	48.064.764.812	27.530.074.619	20.534.690.193

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 1 năm 2026 lãi 48,064 tỷ đồng, tăng 20,534 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2025, do các nguyên nhân sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ quý 1 năm 2026 tăng 38,489 tỷ đồng tương ứng 21,42% so với cùng kỳ năm 2025, giá vốn hàng bán giảm 1,415 tỷ đồng, dẫn đến lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ quý 1 năm 2026 tăng 39,903 tỷ đồng so cùng kỳ năm 2025;
- Doanh thu hoạt động tài chính quý 1 năm 2026 tăng 1,319 tỷ đồng so cùng kỳ năm 2025, do Công ty con tăng doanh thu hoạt động tài chính.
- Chi phí tài chính quý 1 năm 2026 tăng 18,678 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2025,
- Chi phí bán hàng quý 1 năm 2026 giảm 2,778 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2025.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp quý 1 năm 2026 giảm 6,265 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2025.
- Từ nguyên chính trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN quý 1 năm 2025 lãi 48,064 tỷ đồng tăng so với cùng kỳ năm 2025.

Trên đây là giải trình của Công ty về tình hình biến động kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất Quý 1 năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu KT



Tổng Giám đốc

NGUYỄN ĐÌNH TRẠC



DN- BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (RIÊNG)
(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

ĐVT: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
TÀI SẢN			2,080,865,126,156	1,961,568,009,215
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		164,262,457,671	936,517,710,998
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		15,490,544,954	898,880,675
1. Tiền	111	V.1	15,490,544,954	898,880,675
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		126,067,419,979	352,171,746,806
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh(*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2	126,067,419,979	352,171,746,806
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn(*)	124			
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125			
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác (*)	126			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21,910,780,735	582,469,291,021
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	2,015,425,305	2,024,521,717
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4,997,168,816	3,056,871,055
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	16,281,186,614	578,770,898,249
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	136	V.6	(1,383,000,000)	(1,383,000,000)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137			
				0
IV. Hàng tồn kho	140		645,203,559	645,203,559
1. Hàng tồn kho	141	V.7	645,203,559	645,203,559
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		0	0
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		0	0
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151			
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152			
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn(*)	153			
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		148,508,444	332,588,937
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8a	148,508,444	147,869,555
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162			-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163			184,719,382
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164			
5. Tài sản ngắn hạn khác	165			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,916,602,668,485	1,025,050,298,217
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2,064,375,501	2,064,375,501
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	2,064,375,501	2,064,375,501
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	216			
			0	0
II. Tài sản cố định	220		130,196,874,381	130,911,209,739
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	21,819,984,130	22,526,082,727
- Nguyên giá	222		51,990,948,104	51,990,948,104
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(30,170,963,974)	(29,464,865,377)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	108,376,890,251	108,385,127,012



- Nguyên giá	228		108,740,276,482	108,740,276,482
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(363,386,231)	(355,149,470)
			-	-
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232			
b. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	
- Nguyên giá	234			
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	235			
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236			
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237			
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn (*)	238			
IV. Bất động sản đầu tư	240	V.11	-	-
- Nguyên giá	241		1,891,892,974	1,891,892,974
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	242		(1,891,892,974)	(1,891,892,974)
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		824,656,478	824,656,478
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.12	824,656,478	824,656,478
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		1,782,082,894,137	889,666,334,137
1. Đầu tư vào công ty con	261	V.13	1,375,604,060,000	537,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.13	255,000,000,000	201,187,500,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263			0
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn(*)	264	V.13	(103,131,165,863)	(103,131,165,863)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	V.2c	254,610,000,000	254,610,000,000
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn(*)	266			
VII. Tài sản dài hạn khác	270		1,433,867,988	1,583,722,362
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8b	1,433,867,988	1,583,722,362
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273			
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)	280		2,080,865,126,156	1,961,568,009,215
NGUỒN VỐN			2,080,865,126,156	1,961,568,009,215
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		239,687,647,982	761,027,478,838
I. Nợ ngắn hạn	310		239,687,647,982	761,027,478,838
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	4,916,943,732	8,247,973,857
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		55,307,071	12,950,543
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước ngắn hạn	314	V.15	8,453,291,052	8,339,000,118
5. Phải trả người lao động	315		305,418,765	341,752,001
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.16	1,904,372,262	1,151,834,423
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		0	0
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.17	16,540,236,569	529,831,677,692
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.18	206,898,418,464	212,488,630,137
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		0	0
13. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		613,660,067	613,660,067
14. Quỹ bình ổn giá	324			
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325			
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước dài hạn	333			
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		0	0
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		0	
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		0	
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		0	0
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339		-	-

437.

NG T
PH
P Đ
HA SE

HỒ HỒ

10. Trái phiếu chuyển đổi	340			
11. Cổ phiếu ưu đãi	341			
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342			
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343			
14. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	344		0	0
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.19	1,841,177,478,174	1,200,540,530,377
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1,806,003,876,000	1,168,587,310,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a			
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		486,685,820	684,685,820
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình(*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		663,498,805	663,498,805
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		34,023,417,549	30,605,035,752
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		30,605,035,752	17,562,302,157
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		3,418,381,797	13,042,733,595
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300+400)	440		2,080,865,126,156	1,961,568,009,215

Người Lập

Hà Thị Phương Oanh

Kế toán Trưởng

Hà Thị Phương oanh

Ngày 29 tháng 04 năm 2026

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Đình Trạc



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN
Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, KCN, P. Tăng Nhơn Phú , TpHCM
Tel: 0283 7367187 Fax: 0283 7367187

Mẫu số B02-DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính)

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (RIÊNG)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	6,653,083,884	5,471,978,708	6,653,083,884	5,471,978,708
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		6,653,083,884	5,471,978,708	6,653,083,884	5,471,978,708
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2,382,529,872	1,553,990,014	2,382,529,872	1,553,990,014
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		4,270,554,012	3,917,988,694	4,270,554,012	3,917,988,694
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-	-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	3,209,728,618	29,526,109,109	3,209,728,618	29,526,109,109
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	2,538,894,761	7,461,126,327	2,538,894,761	7,461,126,327
- Trong đó: Chi phí lãi vay	24		2,538,894,761	790,868,656	2,538,894,761	790,868,656
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	105,377,031	138,897,276	105,377,031	138,897,276
10. Chi phí nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	26	VI.6	647,720,166	586,379,978	647,720,166	586,379,978
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+21++22-(23+25+26)	30		4,188,290,672	25,257,694,222	4,188,290,672	25,257,694,222
12. Thu nhập khác	31		-	-	-	-
13. Chi phí khác	32		18,648,952	11,283,790	18,648,952	11,283,790
14. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		(18,648,952)	(11,283,790)	(18,648,952)	(11,283,790)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		4,169,641,720	25,246,410,432	4,169,641,720	25,246,410,432
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.15	751,259,923	502,542,112	751,259,923	502,542,112
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		3,418,381,797	24,743,868,320	3,418,381,797	24,743,868,320
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70					
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu(*)	71					

Người Lập

Kế toán Trưởng

Ngày 29 tháng 04 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Tổng Giám Đốc

NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

Hà Thị Phương Oanh

Hà Thị Phương oanh

Nguyễn Đình Trạc

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPGT
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

ĐVT: VNĐ

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			0	0
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4,169,641,720	25,246,410,432
2. Điều chỉnh cho các khoản			(3,155,948,496)	(437,810,694)
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		714,335,358	714,285,396
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		0	0
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư tài chính	05		(3,117,746,015)	(1,942,964,746)
- Chi phí lãi vay	06		(752,537,839)	790,868,656
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1,013,693,224	24,808,599,738
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		35,958,896,770	(31,951,912,959)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(517,772,334,358)	(507,524,064)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		1,345,930	131,245,968
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(1,786,356,922)	(790,868,656)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(100,000,000)	(100,000,000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(482,684,755,356)	(8,410,459,973)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			0	0
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(97,176,355,031)	(57,495,300,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		262,332,351,721	81,917,117,242
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(362,916,560,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3,209,728,618	6,514,826,034
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(194,550,834,692)	30,936,643,276
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				0
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		637,417,466,000	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			0
3. Tiền thu từ đi vay	33		130,580,000,000	17,437,000,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(76,170,211,673)	(40,000,000,000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		691,827,254,327	(22,563,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		14,591,664,279	(36,816,697)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		898,880,675	1,456,031,408
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	15,490,544,954	1,419,214,711

Người Lập

Kế toán Trưởng

Ngày 29 tháng 04 năm 2026
Tổng Giám Đốc

Hà Thị Phương Oanh

Hà Thị Phương oanh

Nguyễn Đình Trạc



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Dịch vụ vận chuyển hành khách;
- Dịch vụ bến xe, bãi đỗ;
- Sản xuất điện.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Vận tải khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo tuyến cố định;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh cơ sở hạ tầng và các dịch vụ có liên quan trong khu công nghiệp, khu đô thị; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà ở;
- Sản xuất điện: Chi tiết sản xuất điện gió, điện mặt trời ...;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty: 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (riêng)

Trong năm, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay tăng so với năm trước và Công ty có phát sinh thu lãi từ hợp đồng hợp tác kinh doanh doanh thu nên doanh thu từ hoạt động tài chính năm nay tăng. Đồng thời, chi phí tài chính tăng do trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn. Từ các yếu tố này dẫn đến lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay giảm 44,75% so với năm trước.

6. Cấu trúc công ty

Các chi nhánh trực thuộc hạch toán độc lập

Tên chi nhánh

Địa chỉ

Bến Xe Gia Lai – Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven

43 Lý Nam Đế, Phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Các công ty con

STT	Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ Lợi ích	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ Lợi ích
1.	Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen (công ty con trực tiếp)	- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; - Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; - Sản xuất linh kiện điện tử.	100%	100%	100%	100%	100%	100%
2.	Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (công ty con trực tiếp) (*)	Đầu tư xây dựng các công trình năng lượng Điện mặt trời – Điện gió; Sản xuất truyền tải điện; Khai thác đá, đất sét; Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; Lắp đặt máy móc công nghiệp, hệ thống điện.	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%
3.	Mass Noble Investments Limited (công ty trực tiếp)	Thiết kế, sản xuất và kinh doanh thẻ nhớ SD, các mặt hàng tiện nghi gia dụng, chăm sóc cá nhân, các sản phẩm tiết kiệm năng lượng và an ninh gia đình	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%
4.	Ansen Investment Holdings Limited (công ty con gián tiếp) (**)	Đầu tư	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%
5.	Shine Profit Development Limited (công ty con gián tiếp) (**)	Thiết kế, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%
6.	Greatrich Industrial Limited (công ty con gián tiếp) (**)	Sản xuất và kinh doanh linh kiện của các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng, đầu tư	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%
7.	Profit Metal Limited (công ty con gián tiếp) (**)	Sản xuất và kinh doanh linh kiện của các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%
8.	東莞橋頭益發燈具有限公司 (công ty con gián tiếp) (**)	Sản xuất và kinh doanh linh kiện của các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng, đầu tư	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%
9.	東莞利材塑膠製品有限公司 (công ty con gián tiếp) (**)	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm đóng gói	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

STT	Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ Lợi ích	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ Lợi ích
10.	東莞安迅電子有限公司(công ty con gián tiếp)(**)	Sản xuất và kinh doanh linh kiện của các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%
11.	Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông	Đầu tư xây dựng công trình giao thông	99,6%	99,6%	99,6%	-	-	-

(*) Ông Nguyễn Đình Trạc là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (bổ nhiệm ngày 02/01/2022) đồng thời là Tổng Giám đốc Công ty.

(**) Là công ty gián tiếp cấp 2 thông qua Công ty TNHH Mass Noble Investment.

Các công ty liên doanh, liên kết

STT	Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
1.	Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắk Nông	Đầu tư xây dựng công trình giao thông	-	-	-	29,0%	29,0%	29,0%
2.	Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Điện Gió CP1 Wind	Sản xuất điện gió	45,5%	45,5%	45,5%	-	-	-
3.	Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Điện Gió CP2 Wind	Sản xuất điện gió	45,9%	45,9%	45,9%	-	-	-
4.	Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Điện Mặt Trời Cp3 Solar (***)	Sản xuất điện mặt trời	22,22%	22,22%	22,22%			
5.	Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Điện Mặt Trời Chư Pưh 4 Solar (***)	Sản xuất điện mặt trời	21,67%	21,67%	21,67%			

(***) Là công ty liên kết gián tiếp cấp 2 thông qua Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 30 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 30 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo bán niên quý 1 năm 2026 của Công ty từ ngày 01 tháng 01 và ngày 31 tháng 03..

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC đầu kỳ và theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (riêng)

Báo cáo tài chính (riêng) được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán

kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh, liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử

dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 48
Máy móc và thiết bị	10 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4,5 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 – 08 năm.

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà cửa nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý hoặc để bán trong kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

Loại tài sản cố định

Nhà cửa, vật kiến trúc

Số năm

15

9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là khoản tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu là số vốn thực góp của các cổ đông

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đã trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại Hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu cung cấp dịch vụ (Dịch vụ bến bãi, vận chuyển, cung cấp điện ...)

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong

năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính: chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết.

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Đối với hoạt động dự án điện mặt trời trên mái nhà:

- Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp thì Công ty Cổ Phần Tập Đoàn ALPHA SEVEN được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho trường hợp thực hiện dự án đầu tư mới thuộc các lĩnh vực: ... sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải; phát triển công nghệ sinh học. Mức ưu đãi cụ thể như sau:

Áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm (từ năm 2021 đến năm 2035).

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
 - Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với Chính sách Kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (RIÊNG) (ĐVT: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	268.119.701	593.096.731
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.222.425.253	305.783.944
- Ngân Hàng TMCP Quân Đội	15.040.862.032	2.618.582
- Các đối tượng khác	181.563.221	303.165.362
Cộng	15.490.544.954	898.880.675

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**2.a Tiền gửi có kỳ hạn**

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	90.000.000.000	90.000.000.000	170.000.000.000	170.000.000.000
- Ngân Hàng TMCP Á Châu	90.000.000.000	90.000.000.000	150.000.000.000	150.000.000.000
- Ngân Hàng TMCP Phát Triển Tp.HCM	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
-	-	-	-	-
Cộng	90.000.000.000	90.000.000.000	170.000.000.000	170.000.000.000

Trong đó giá trị hợp đồng tiền gửi dùng thế chấp cho hợp đồng vay các khoản vay là 90.000.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh V.20).

Là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân Hàng TMCP Á Châu có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng.

2.b Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư các bên liên quan	8.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công Ty CP Điện Mặt Trời DLG Ninh Thuận	8.000.000.000	
Đầu tư các tổ chức, cá nhân khác	28.067.419.979	182.171.746.806
- Vũ Văn Tin ⁽¹⁾	16.011.622.000	41.540.000.000
- Phạm Thị Bích Loan ⁽²⁾	400.092.000	849.820.002
- Hoàng Duy Khiêm ⁽³⁾	11.650.000.000	-
- Đối tượng khác	5.705.979	139.781.926.804
Cộng	36.067.419.979	182.171.746.806

⁽¹⁾ Là khoản cho Ông Vũ Văn Tin vay theo Hợp đồng vay vốn số 005/2025/HĐCT ngày 15/12/2025, thời hạn 12 tháng, lãi suất từ 7%/năm đến 10%/năm.

⁽²⁾ Là khoản cho Phạm Thị Bích Loan vay theo Hợp đồng vay vốn số 114/2025-HĐCT ngày 15/04/2025, thời hạn 12 tháng, lãi suất từ 6%/năm đến 10%/năm.

⁽³⁾ Là khoản cho Ông Hoàng Duy Khiêm vay theo Hợp đồng vay vốn số 002/2026/HĐCT ngày 20/03/2026, thời hạn 12 tháng, lãi suất từ 8%/năm đến 10%/năm.

2.c Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
Đầu tư các bên liên quan	-	-	-	-
Đầu tư các tổ chức, cá nhân khác	254.610.000.000	-	254.610.000.000	-
- Công Ty TNHH Một thành Viên Trường An Tây Nguyên ^(*)	254.610.000.000	-	254.610.000.000	-
Cộng	256.674.375.501	-	256.674.375.501	-

^(*) Là khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công Ty TNHH Một thành Viên Trường An Tây Nguyên theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD-DL1-TATN ngày 20 tháng 09 năm 2025 về việc cùng nhau hợp tác đầu tư trong việc kinh doanh khách sạn DLG Đà Nẵng, địa chỉ số 258 Võ Nguyên Giáp, phường An Hải, Tp. Đà Nẵng. Theo đó, lợi nhuận sẽ được phân chia cho mỗi bên tương ứng theo tỷ lệ góp vốn thực hiện dự án nhưng không thấp hơn 9%/năm tính trên số tiền hợp tác kinh doanh.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chi tiết	Số cuối kỳ	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	120.783.240	-
- Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	-	-	35.000.003	-
- Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen	-	-	85.783.237	-
Phải thu các khách hàng khác	2.015.425.305	(1.383.000.000)	1.903.738.477	(1.383.000.000)
- Công ty TNHH MTV Thương Mại Hùng Nhân Gia Lai	1.383.000.000	(1.383.000.000)	1.383.000.000	(1.383.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Chi tiết	Số cuối kỳ	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
- Các khách hàng khác	632.425.305	-	520.738.477	-
Cộng	2.015.425.305	(1.383.000.000)	2.024.521.717	(1.383.000.000)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	1.554.150.000	-
- Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	1.554.150.000	-
Trả trước cho các bên khác	3.443.018.816	3.056.871.055
- Công Ty TNHH MTV Hoàng Long Trà Gia lai	614.814.815	614.814.815
- Trả trước cho các người bán khác	2.828.204.001	2.442.056.240
Cộng	4.997.168.816	3.056.871.055

5. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

Chi tiết	Số cuối kỳ	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	545.580.000.000	-
- Công ty CP BOT&BT Đức Long Đăk Nông (cổ tức được chia)	-	-	16.080.000.000	-
- Chuyển giao quyền kiểm soát Công ty CP BOT và BT Đức Long Đăk Nông (*)	-	-	529.500.000.000	-
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác	16.281.186.614	-	33.190.898.249	-
- Phải thu lãi cho vay	3.711.885.136	-	12.372.986.752	-
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	2.513.095.891	-	4.591.890.412	-
- Các đối tượng khác	10.056.205.587	-	16.226.021.085	-
Cộng	16.281.186.614	-	578.770.898.249	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Chi tiết	Số cuối kỳ	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	2.064.375.501	-	2.064.375.501	-
- Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (ký quỹ)	2.064.375.501	-	2.064.375.501	-
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác	-	-	-	-
Cộng	2.064.375.501	-	2.064.375.501	-

6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Dự phòng phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Dự phòng phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.383.000.000</i>	-	<i>1.383.000.000</i>	-
- Công ty TNHH MTV Thương Mại Hùng Nhân Gia Lai	1.383.000.000	-	1.383.000.000	-
Cộng	1.383.000.000	-	1.383.000.000	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.383.000.000)	(1.383.000.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	(1.383.000.000)	(1.383.000.000)

7. Hàng tồn kho

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu (*)	645.203.559	-	645.203.559	-
Cộng	645.203.559	-	645.203.559	-

(*) Nguyên liệu, vật liệu là vật tư thay thế tấm pin điện mặt trời.

8. Chi phí chờ phân bổ ngắn và dài hạn

8a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

Chi tiết:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	148.508.444	147.869.555
Cộng	148.508.444	147.869.555

Tình hình biến động:

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	147.869.555	52.318.332

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

	Năm nay	Năm trước
- Mua mới trong năm	638.889	34.788.364
- Phân bổ trong năm		(23.249.021)
Số cuối năm	148.508.444	63.857.675

8b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa	1.433.867.988	1.583.722.362
- Chi phí khác	-	-
Cộng	1.433.867.988	1.583.722.362

Tình hình biến động:

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	1.583.722.362	378.846.133
- Mua mới trong năm	-	-
- Phân bổ trong năm	(149.854.374)	(131.245.968)
Số cuối năm	1.433.867.988	247.600.165

9. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	26.526.734.784	22.911.633.128	1.971.463.637	581.116.555	51.990.948.104
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	26.526.734.784	22.911.633.128	1.971.463.637	581.116.555	51.990.948.104
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	18.393.939.995	8.822.626.128	1.971.463.637	276.835.617	29.464.865.377
Khấu hao trong năm	215.224.941	481.520.610	-	9.353.046	706.098.597
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	18.609.164.936	9.304.146.738	1.971.463.637	286.188.663	30.170.963.974
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	8.132.794.789	14.089.007.000	-	304.280.938	22.526.082.727
Số cuối kỳ	7.917.569.848	13.607.486.390	-	294.927.892	21.819.984.130

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 9.317.868.411 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp bảo lãnh cho các khoản phát hành trái phiếu của Công ty CP tập đoàn Đức Long Gia Lai (chung cổ đông lớn) tại ngày 31/03/2026 là 2.529.587.955 đồng (xem tại Thuyết minh VII.3).

10. Tài sản cố định vô hình

Chi tiết tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình như sau:

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	108.258.981.482	481.295.000	108.740.276.482
Tăng trong năm	-	-	-
Tăng xây dựng cơ bản	-	-	-
Mua trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối kỳ	108.258.981.482	481.295.000	108.740.276.482
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	-	355.149.470	355.149.470
Khấu hao trong năm	-	8.236.761	8.236.761
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối kỳ	-	363.386.231	363.386.231
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	108.258.981.482	126.145.530	108.385.127.012
Số cuối kỳ	108.258.981.482	117.908.769	108.376.890.251

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 170.135.000 đồng.

(*) Chi tiết gồm:

1. Là quyền sử dụng đất tại 97/2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Tp. Hồ Chí Minh. Thời hạn sử dụng: lâu dài. Giá trị còn lại của quyền sử dụng đất này được bảo lãnh cho nghĩa vụ thanh toán của Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen (công ty con) tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thủ Đức là 60.000.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh VII.3).

2. Là quyền sử dụng đất tại 97/4 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Tp. Hồ Chí Minh. Thời hạn sử dụng: lâu dài.

11. Bất động sản đầu tư

Là các kiốt bán hàng của Công ty đang cho thuê. Chi tiết tình hình tăng, giảm bất động sản đầu tư như sau:

	Cơ sở hạ tầng	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	1.891.892.974	1.891.892.974
Tăng trong năm	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Giảm trong năm	-	-
Số cuối kỳ (*)	1.891.892.974	1.891.892.974
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	1.891.892.974	1.891.892.974
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số đầu năm	1.891.892.974	1.891.892.974
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối kỳ	1.891.892.974	1.891.892.974
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối kỳ	-	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang					
- Xây dựng cơ bản	824.656.478	-	-	-	824.656.478
Cộng	824.656.478	-	-	-	824.656.478

13. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	1.375.604.060.000	1.272.472.894.137	(103.131.165.863)	537.000.000.000	433.868.834.137	(103.131.165.863)
- Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen ⁽¹⁾	187.916.560.000	187.916.560.000	-	80.000.000.000	80.000.000.000	-
- Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận ⁽²⁾	202.000.000.000	202.000.000.000	-	202.000.000.000	202.000.000.000	-
- Mass Noble Investments Limited ⁽³⁾	255.000.000.000	151.868.834.137	(103.131.165.863)	255.000.000.000	151.868.834.137	(103.131.165.863)
- Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắc	730.687.500.000	730.687.500.000				

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Nông ⁽⁴⁾ Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	255.000.000.000	255.000.000.000	-	201.187.500.000	201.187.500.000	-
- Công ty CP BOT và BT Đức Long Đăk Nông ⁽⁴⁾ Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Điện Gió CP1 Wind ⁽⁵⁾	-	-	-	201.187.500.000	201.187.500.000	-
Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Điện Gió CP1 Wind ⁽⁵⁾	127.500.000.000	127.500.000.000				
Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Điện Gió CP1 Wind ⁽⁶⁾	127.500.000.000	127.500.000.000				
Cộng	1.630.604.060.000	1.527.472.894.137	(103.131.165.863)	738.187.500.000	635.056.334.137	(103.131.165.863)

(1) Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 753412041 do Ban Quản lý các Khu Công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh (cấp lần đầu ngày 31/05/2017 và thay đổi lần thứ nhất này 24 tháng 12 năm 2020). Công ty được đăng ký thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315016980 cấp lần đầu vào ngày 27/04/2018, thay đổi lần thứ 03 ngày 01/06/2021. Ngành nghề hoạt động chính là sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất linh kiện điện tử. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 80.000.000.000 đồng, tương đương 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen (số đầu năm là 80.000.000.000 đồng, tương đương 100% vốn điều lệ).

(2) Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500619268 ngày 30/11/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp. Ngành nghề hoạt động chính là đầu tư xây dựng các công trình năng lượng Điện mặt trời – Điện gió; sản xuất truyền tải điện; khai thác đá, đất sét; xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; lắp đặt máy móc công nghiệp, hệ thống điện. Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công ty đã đầu tư 10.500.000 cổ phiếu, tương đương 50% vốn điều lệ của Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (số đầu năm là 10.500.000 cổ phiếu, tương đương 50% vốn điều lệ).

(3) Mass Noble Investments Limited được thành lập tại Quần đảo Virgin Islands thuộc Anh. Ngành nghề hoạt động chính là hoạt động trong các lĩnh vực thiết kế, sản xuất và kinh doanh thẻ nhớ SD, các mặt hàng tiện nghi gia dụng, chăm sóc cá nhân, các sản phẩm tiết kiệm năng lượng và an ninh gia đình. Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công ty đã đầu tư chiếm 97,73% vốn điều lệ của Mass Noble Investments Limited (số đầu năm là 97,73% vốn điều lệ).

(4) Công ty CP BOT và BT Đức Long Đăk Nông được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400192949 ngày 03 tháng 08 năm 2010 và thay đổi lần thứ 09 ngày 27 tháng 03 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp. Ngành nghề hoạt động chính là Đầu tư xây dựng công trình giao thông. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 24.900.000 cổ phiếu, tương đương 99,6% vốn điều lệ của Công ty CP BOT và BT Đức Long Đăk Nông (số đầu năm là 7.250.000 cổ phiếu, tương đương 29% vốn điều lệ).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

(4) Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Điện Gió CP1 Wind được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5901236024 ngày 10 tháng 09 năm 2025 và thay đổi lần thứ 1 ngày 23 tháng 03 năm 2026 do Phòng Doanh nghiệp và kinh tế tập tỉnh Gia Lai thể cấp. Ngành nghề hoạt động chính là Sản xuất điện gió Tại ngày kết cuối kỳ tài chính, Công ty đã đầu tư 12.750.000 cổ phiếu, tương đương 45,5% vốn điều lệ của Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Điện Gió CP1 Wind Nông (số đầu năm là 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ)

(5) Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Điện Gió CP2 Wind được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5901236112 ngày 11 tháng 09 năm 2025 và thay đổi lần thứ 1 ngày 25 tháng 03 năm 2026 do Phòng Doanh nghiệp và kinh tế tập tỉnh Gia Lai thể cấp. Ngành nghề hoạt động chính là Sản xuất điện gió Tại ngày kết cuối kỳ tài chính, Công ty đã đầu tư 12.750.000 cổ phiếu, tương đương 45,9% vốn điều lệ của Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Điện Gió CP2 Wind Nông (số đầu năm là 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ)

(*) Đối với cổ phiếu chưa niêm yết, giá trị hợp lý được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	66.000.000	2.280.858.000
- Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	66.000.000	2.280.858.000
Phải trả nhà cung cấp khác	4.850.943.732	5.967.115.857
- Công ty Cổ Phần VES	4.766.752.799	4.766.752.799
- Các đối tượng khác	84.190.933	1.200.363.058
Cộng	4.916.943.732	8.247.973.857

Trong đó Số nợ quá hạn Công Ty Cổ Phần Ves 4.766.752.799 đồng

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT	103.520.401	184.719.382	605.993.324	(339.600.131)	185.194.212	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.472.320.513	-	751.259.923	(100.000.000)	8.123.580.436	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	3.920.127	(3.920.127)	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	746.099.920	-	-	(601.583.516)	144.516.404	-
- Phí, lệ phí, phải nộp khác	17.059.284	-	-	(17.059.284)	-	-
Cộng	8.339.000.118	184.719.382	1.361.173.374	(1.062.163.058)	8.453.291.052	-

Thuế giá trị gia tăng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế như sau :

Hoạt động dự án điện mặt trời trên mái nhà với thuế suất 10%,

Hoạt động khác với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.169.641.720	25.246.410.432
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		17.
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	18. 11.283.790
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	-	11.283.790
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(25.000.000.000)
+ Cổ tức nhận sau giai đoạn đầu tư	-	(25.000.000.000)
Thu nhập chịu thuế	4.169.641.720	257.694.222
Trong đó:		
+ Lãi thu nhập chịu thuế ở các chi nhánh quyết toán Thuế TNDN riêng	1.544.312.796	(2.770.404.783) 16. Chi phí phải trả ngắn hạn
+ Lãi thu nhập chịu thuế ở các chi nhánh quyết toán Thuế TNDN riêng	2.625.328.924	2.512.710.561
Thu nhập tính thuế	4.169.641.720	2.512.710.561
- Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 10%	826.684.211	-
- Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 20%	3.342.957.509	2.512.710.561
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	751.259.923	502.542.112
- Thuế TNDN (10%)	82.668.421	-
- Thuế TNDN (20%)	668.591.502	502.542.112
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	751.259.923	502.542.112

Là khoản chi phí lãi vay.

17. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn các bên liên quan	16.200.000.000	529.500.000.000
- Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (*)	-	529.500.000.000
Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắc Nông	16.200.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	340.236.569	331.677.692
- Tiền đặt cọc thuê ki ốt, bến bãi	185.709.000	185.709.000
- BHXH, BHYT, BHTN	39.435.892	41.368.692
- Phải trả khác	115.091.677	104.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cộng	16.540.236.569	529.831.677.692

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	136.898.418.464	136.898.418.464	37.188.630.137	37.188.630.137
- Công ty TNHH Điện tử Ansen ⁽¹⁾	59.848.418.464	59.848.418.464	37.188.630.137	37.188.630.137
- Công Ty CP Điện Mặt Trời DLG Ninh Thuận ⁽⁴⁾	77.050.000.000	77.050.000.000	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	70.000.000.000	70.000.000.000	175.300.000.000	175.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Ba Tháng Hai ⁽²⁾	70.000.000.000	70.000.000.000	156.000.000.000	156.000.000.000
- Ngân Hàng TMCP Phát Triển TpHCM- CN Hàng Xanh ⁽³⁾	-	-	19.300.000.000	19.300.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-
Cộng	206.898.418.464	206.898.418.464	212.488.630.137	212.488.630.137

⁽¹⁾ Hợp đồng tín dụng số 412025/HĐCT ngày 04/01/2025 và các phụ lục kèm theo.

- Hạn mức vay : 50.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay : Bổ sung vốn kinh doanh;
- Lãi suất vay : 6,5%/năm;
- Thời hạn cho vay : 12 tháng;
- Tài sản đảm bảo : tín chấp

⁽²⁾ Là khoản vay theo các hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng số KHO.DN.6269.200825 ngày 21/08/2025.

- Số tiền vay : 50.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động;
- Lãi suất vay : Theo thỏa thuận của từng lần nhận nợ;
- Thời hạn cho vay : 06 tháng;
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp bằng hợp đồng tiền gửi tiết kiệm có giá trị 50.000.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh V.3).

Hợp đồng tín dụng số KHO.DN.1438.150925 ngày 19/09/2025.

- Số tiền vay : 180.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động;
- Lãi suất vay : Theo thỏa thuận của từng lần nhận nợ;
- Thời hạn cho vay : 09 tháng;
- Tài sản đảm bảo :
+ Thế chấp bằng hợp đồng tiền gửi tiết kiệm có giá trị 150.000.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh V.3).

+ Công ty nhận bảo lãnh bằng tài sản thế chấp bằng hợp đồng tiền gửi tiết kiệm có giá trị 26.000.000.000 đồng thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Điện tử Ansen.

Hợp đồng tín dụng số KHO.DN.4031.251225 ngày 26/12/2025 và các phụ lục kèm theo.

- Số tiền vay : 60.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động;
- Lãi suất vay : Theo thỏa thuận của từng lần nhận nợ;
- Thời hạn cho vay : 06 tháng;
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp bằng hợp đồng tiền gửi tiết kiệm có giá trị 120.000.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh V.3).

⁽³⁾ Hợp đồng cấp hạn mức số 01/2025PGDCC/HĐTD ngày 26/09/2025

- Số tiền vay : 30.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động;
- Lãi suất vay : Theo thỏa thuận của từng lần nhận nợ;
- Thời hạn cho vay : 12 tháng;
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp bằng hợp đồng tiền gửi tiết kiệm có giá trị 20.000.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh V.3).

⁽⁴⁾ Hợp đồng 001/2026 /HDV ngày 10/02/2025 lãi suất 10% năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn	212.488.630.137	130.580.000.000	(136.170.211.673)	206.898.418.464
Cộng	212.488.630.137	130.580.000.000	(136.170.211.673)	206.898.418.464

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025					
Số dư tại ngày 01/01/2025	1.062.360.940.000	1.049.485.820	663.498.805	123.788.672.157	1.187.862.596.782
Tăng trong năm	106.226.370.000	-	-	13.042.733.595	119.269.103.595
Tăng từ kết quả kinh doanh	-	-	-	13.042.733.595	13.042.733.595
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức (*)	106.226.370.000				106.226.370.000
Giảm trong năm		(364.800.000)		(106.226.370.000)	(106.591.170.000)
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm (*)		-		(106.226.370.000)	(106.226.370.000)
Giảm khác (**)	-	(364.800.000)	-	-	(364.800.000)
Số dư tại ngày 31/12/2025	1.168.587.310.000	684.685.820	663.498.805	30.605.035.752	1.200.540.530.377
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026					
Số dư tại ngày 01/01/2026	1.168.587.310.000	684.685.820	663.498.805	30.605.035.752	1.200.540.530.377

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Tăng trong năm	637.416.560.000	-	-	3.418.381.797	640.636.947.797
Tăng từ kết quả kinh doanh	-	-	-	3.418.381.797	3.418.381.797
Phát hành cổ phiếu (*)	637.416.560.000	-	-	-	637.416.560.000
Giảm trong năm	-	(197.994.000)	-	-	(197.994.000)
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm (*)	-	-	-	-	-
Giảm khác (**)	-	(197.994.000)	-	-	(197.994.000)
Số dư tại ngày 31/03/2026	1.806.003.870.000	486.691.820	663.498.805	34.023.417.549	1.841.177.478.174

(*) Ngày 05/02/2026, văn bản số 1155/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước đã nhận được tài liệu Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng.

- Ngày 25/02/2025, Công ty đã được Ban Quản lý Khu Công Nghệ Cao Tp. Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900437257 cấp thay đổi lần 23 về việc thay đổi vốn điều lệ lên thành 1.806.003.870.000 đồng.

(**) Là các chi phí liên quan đến hoạt động phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ.

19b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.168.587.310.000	1.062.360.940.000
+ Vốn góp tăng trong năm	637.416.560.000	106.226.370.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	1.806.003.870.000	1.168.587.310.000

19c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	180.600.387	116.858.731
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	180.600.387	116.858.731
- Cổ phiếu phổ thông	180.600.387	116.858.731
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	180.600.387	116.858.731
- Cổ phiếu phổ thông	180.600.387	116.858.731
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND/CP.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (RIÊNG) (ĐVT: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chi tiết gồm:	Quý 1-2026	Quý 1-2025
- Doanh thu hoạt động bến bãi	5.148.433.942	3.973.118.688
- Doanh thu hoạt động vận chuyển	82.912.364	76.311.364
- Doanh thu hoạt động điện mặt trời	1.421.737.578	1.422.548.656
Cộng	6.653.083.884	5.471.978.708

2. Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:	Quý 1-2026	Quý 1-2025
- Giá vốn hoạt động bến bãi	1.736.305.289	828.866.674
- Giá vốn hoạt động vận chuyển	84.879.792	78.699.355
- Giá vốn hoạt động điện mặt trời	561.344.791	646.423.985
Cộng	2.382.529.872	1.553.990.014

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Quý 1-2026	Quý 1-2025
- Lãi cho vay	3.136.394.967	4.526.000.217
- Lãi từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	-
- Cổ tức nhận được từ việc đầu tư vốn	-	25.000.000.000
- Lãi tiền gửi ngân hàng	73.333.651	108.892
Cộng	3.209.728.618	29.526.109.109

4. Chi phí tài chính

Chi tiết gồm:	Quý 1-2026	Quý 1-2025
- Chi phí lãi đi vay	2.538.894.761	790.868.656
- Hoàn nhập/dự phòng bổ sung đầu tư tài chính	-	6.670.257.671
Cộng	2.538.894.761	7.461.126.327

5. Chi phí bán hàng

Là chi phí lương phải trả cho nhân viên.

Chi tiết gồm:	Quý 1-2026	Quý 1-2025
---------------	------------	------------

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

- Chi phí nhân viên	105.377.031	138.897.276
Cộng	105.377.031	138.897.276

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Quý 1-2026	Quý 1-2025
- Chi phí nhân viên	408.837.307	342.833.847
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	83.645.400	154.910.777
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	131.127.283	-
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác	24.110.176	88.635.354
Cộng	647.720.166	586.379.978

7. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Chi tiêu này không trình bày trên Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven vì đây là Công ty mẹ, và được trình bày trên Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn theo quy định tại khoản 3.19, điều 113 của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Quý 1-2026	Quý 1-2025
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	42.977.736	36.800.000
- Chi phí nhân công	735.994.337	726.990.257
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	714.335.358	714.285.396
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.488.260.149	408.817.506
- Các chi phí bằng tiền khác	154.059.489	392.103.509
Cộng	3.135.627.069	2.278.996.668

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nợ tiềm tàng**

Công ty không có khoản nợ tiềm tàng nào sẽ phát sinh tính đến thời điểm phát hành báo cáo này.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thành viên chủ chốt	Mối quan hệ
- Ông Nguyễn Đình Trạc	Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Tiến Dũng	Phó Giám đốc
- Bà Hà Thị Phương Oanh	Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (Ban Giám đốc)**

Tiền lương	Chức vụ	Quý 1-2026	Quý 1-2025
- Ông Nguyễn Đình Trạc	Tổng Giám đốc	45.000.000	45.000.000
- Ông Phạm Tiến Dũng	Phó Giám đốc	33.570.000	33.570.000
- Bà Hà Thị Phương Oanh	Kế toán trưởng	42.000.000	30.000.000
Cộng		120.570.000	108.570.000

Trong năm, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không phát sinh tiền lương và thù lao tại Công ty.

2b Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**Các bên liên quan khác với Công ty gồm:**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Bùi Pháp	Cổ đông lớn của công ty (chiếm 24,01% vốn điều lệ)
Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen	Công ty con trực tiếp (Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ)
Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận	Công ty con trực tiếp (Công ty nắm giữ 50% vốn điều lệ)
Mass Noble Investments Limited ("Mass Noble")	Công ty con trực tiếp (Công ty nắm giữ 97,73% vốn điều lệ)
Công ty CP BOT&BT Đức Long Đắc Nông	Công ty con (Tập đoàn nắm giữ 99,6% vốn điều lệ)
Ansen Investment Holdings Limited	Công ty con gián tiếp
Shine Profit Development Limited	Công ty con gián tiếp
Greatrich Industrial Limited	Công ty con gián tiếp
Profit Metal Limited	Công ty con gián tiếp
東莞橋頭益發燈具有限公司	Công ty con gián tiếp
東莞利材塑膠製品有限公司	Công ty con gián tiếp
東莞安迅電子有限公司	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai ("DLG")	Chung cổ đông lớn (Bùi Pháp)

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Quý 1-2025
- Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen	Doanh thu tiền điện	240.998.248	289.137.609
	Chi phí lãi vay	752.537.839	-
- Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận	Cổ tức nhận sau giai đoạn đầu tư	-	25.000.000.000
	Cho vay	15.000.000.000	
	Đi vay	77.050.000.000	
- Shine Profit Development Limited	Tỷ lệ Shine Profit Development Limited sở hữu Công ty tại ngày cuối năm	-	
- Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Doanh thu cho thuê xe	13.636.364	13.636.364
	Chi phí thuê ki ốt	264.000.000	264.000.000
	Chi phí thuê mái nhà	60.000.000	60.000.000
	Nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty CP BOT&BT Đức Long Đắk Nông	529.500.000.000	-
			-

Ngoài ra, Công ty dùng tài sản của Công ty để bảo lãnh nhằm đảm bảo cho khoản phát hành trái phiếu của bên thứ 3 (chung cổ đông lớn) (xem tại Thuyết minh VII.3).

Số dư cuối năm các bên liên quan khác

Số dư cuối năm của các bên liên quan khác đã được trình bày tại Thuyết minh mục V.4, V.5, V.7, V.15, V.16, V.20.

3. Tài sản đảm bảo

Công trình mở rộng bến xe Đức Long Gia Lai tại đường Lý Nam Đế, phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai (Xem tại mục V.11), Công trình này đã được dùng để bảo lãnh nhằm đảm bảo thanh toán cho khoản phát hành trái phiếu ngày 31/12/2014 của bên thứ 3 (chung cổ đông lớn). Khoản bảo lãnh này đã được Hội đồng quản trị thông qua theo Biên bản họp số 08/BB-HĐQT ngày 05/12/2014.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 08/2023/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 11 năm 2023, Công ty đã dùng toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen và Quyền sử dụng đất tại số 97/2 Nguyễn Hữu Cánh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen (Công ty con) (xem tại Thuyết minh V.12).

4. Báo cáo theo bộ phận**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Dịch vụ bến xe, bãi đỗ;
- Dịch vụ vận chuyển hành khách;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN*Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh***Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026*

- Sản xuất điện.

	Doanh thu dịch vụ bến bãi	Doanh thu dịch vụ vận chuyển	Doanh thu điện mặt trời	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.148.433.942	82.912.364	1.421.737.578	6.653.083.884
Giá vốn hàng bán	1.736.305.289	84.879.792	561.344.791	2.382.529.872
Lợi nhuận gộp	3.412.128.653	(1.967.428)	860.392.787	4.270.554.012
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.973.118.688	76.311.364	1.422.548.656	5.471.978.708
Giá vốn hàng bán	828.866.674	78.699.355	646.423.985	1.553.990.014
Lợi nhuận gộp	3.144.252.014	(2.387.991)	776.124.671	3.917.988.694

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. So liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công Ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt. Riêng Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển vốn, Báo cáo số liệu so sánh là 31 tháng 03 năm 2025.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2026***Người lập biểu/Kế toán trưởng**

HÀ THỊ PHƯƠNG OANH**Tổng Giám đốc****NGUYỄN ĐÌNH TRẠC**